TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 142/2021/DS - PT

Ngày: 11 - 5 - 2021

V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân;

Ông Nguyễn Cường.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/TBTL-TA ngày 23 tháng 2 năm 2021 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1149/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T.

Địa chỉ: Thôn T1, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa (Đã chết ngày 26/6/2019).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T:

- Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Thôn T1, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn T2; địa chỉ: Thôn T3, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Ông Phan Phụng M.

- Bà Phan Phụng Như N.

- Bà Phan Phụng Thùy L.

Cùng địa chỉ: Thôn T3, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Phụng M, bà Phan Phụng Như N, bà Phan Phụng Thùy L: Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Thôn T1, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa. Ông H. Có mặt.

- Ông Phan Phụng Phong Đại V. Vắng mặt.

- Bà Phan Phụng Thùy Tr. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T3, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Phan Phụng Phong Đại M1; địa chỉ: Thôn T4, xã D, huyện D1, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Bà Phan Phụng Kiều Mỹ D2; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Bà Phan Phụng Kiều Thu Th; địa chỉ: Số 73 đường N, Tiểu khu Y, thị trấn A, huyện T6, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Bà Võ Hoàng Phi A1; địa chỉ: Thôn T1, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Võ Hoài K.

- Bà Võ Hoàng Phi K1.

Cùng địa chỉ: Số K351/9 đường N2, tổ 40, phường A2, quận T7, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Võ Hoàng Phi L2; địa chỉ: Số 452/4 đường L1, tổ Y1, phường C, quận T7, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Võ Hoàng Phi T8; địa chỉ: Số 63 đường T9, tổ Y2, phường H1, quận T7, thành phố Đà Nẵng.

Các ông, bà Võ Hoàng Phi A1, Võ Hoài K, Võ Hoàng Phi K1, Võ Hoàng Phi L2 và Võ Hoàng Phi T8 đều ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Thôn T1, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa. Ông H có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2.

Địa chỉ: Thôn T1, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Thôn T1, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị P. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Ngọc Ngân H3.

- Ông Nguyễn Quốc H4.

- Bà Nguyễn Ngọc Liên K2.

Cùng địa chỉ: Thôn T1, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Nguyễn Ngọc Mai S1; địa chỉ: Số 165/1 đường B, Phường Y3, quận T10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P, Nguyễn Ngọc Ngân H3, ông Nguyễn Quốc H4, bà Nguyễn Ngọc Liên K2g, bà Nguyễn Ngọc Mai S1: Ông Nguyễn Văn T2; địa chỉ: Thôn T1, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa. Ông T2 có mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện C1.

Trụ sở: Tổ dân phố T11, thị trấn C2, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn Đ1 – Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Khánh Hòa chi nhánh C1. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Từ trước đến nay, vợ chồng bà khai hoang và cùng con trai là Nguyễn Văn H canh tác trồng mía trên thửa đất số 204, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa đất số 222, tờ bản đồ số 16) tại thôn T1, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa. Đến năm 2014, vợ chồng bà chuẩn bị làm di chúc cho các con thì phát hiện thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T2. Việc ông T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên là không đúng pháp luật vì đất do vợ chồng bà khai hoang. Bà đã viết đơn gửi Ủy ban nhân dân xã C và được trả lời là đất đã cấp theo Nghị định 64. Bà không đồng ý. Ủy ban nhân dân huyện C1 đã hướng dẫn bà làm đơn khởi kiện tại Tòa án. Đến tháng 4/2017, bà đã rút đơn khởi kiện vụ án hành chính để làm thủ tục khởi kiện vụ án dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính và hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, ông Nguyễn Văn T2 nhất quyết không trả lại thửa đất 204. Nay, bà làm đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn T2 và yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp cho ông Nguyễn Văn T2 đối với thửa đất trên.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vụ án này mẹ ông là bà Nguyễn Thị T đã khởi kiện từ năm 2017. Mẹ ông đã ủy quyền cho ông đại diện toàn quyền giải quyết vụ án. Tháng 6/2019 mẹ ông mất. Nay, ông giữ nguyên nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị T tại đơn

khởi kiện và Tòa án đã thụ lý là yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 204, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa đất số 222, tờ bản đồ số 16) tại thôn T1, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn T2 đối với thửa đất này.

Thửa đất trên do ông và cha mẹ quản lý và sử dụng từ trước đến nay. Hiện nay, Nhà nước đã thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà máy điện mặt trời và đã xây nhà máy trên đất này. Ông không đồng ý nhận bồi thường mà yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C1 bố trí đất khác cho ông. Bà T không mượn đất của ông T2 mà đây là đất của bà T.

Ông đề nghị Tòa án đưa thêm con trai ông là Nguyễn Văn H5 vào tham gia tố tụng vì H5 đã được bà T cho nhập vào hộ khẩu của bà T năm 2013 để thờ cúng ông bà. Điều này được hiểu là bà T có ý nguyện để lại tài sản của bà T sau khi chết cho Nguyễn Văn H5.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.140m^2, nay là thửa đất số 222, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.367m^2, tại thôn T1, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa là đất trồng cây hàng năm khác, do Hợp tác xã nông nghiệp C quản lý và cấp cho hộ gia đình ông sản xuất. Sau đó, Ủy ban nhân dân xã C xét cấp đất theo Nghị định số 64/CP cho hộ ông T2 và bà P theo định mức nhân khẩu. Đến ngày 10/4/2002, Ủy ban nhân dân huyện Cam Ranh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông là ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị P. Ngày 23/7/2012, Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 462243, số vào sổ cấp GCN: CH01870 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị P. Trong quá trình sử dụng đất, ông đã nộp thuế cho Nhà nước đầy đủ cho đến khi Nhà nước miễn đóng thuế đất nông nghiệp.

Năm 2003, cha mẹ ông là ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị T mượn đất của vợ chồng ông để trồng hoa màu. Đến năm 2013, khi cha mẹ già yếu, không thể trực tiếp canh tác, ông lấy lại đất thì xảy ra tranh chấp. Việc tranh chấp là do ông Nguyễn Văn H chủ mưu, viết đơn đi kiện. Ông H không liên quan, không có quyền gì đối với thửa đất này. Vợ chồng ông không cho gia đình ông H mượn đất để sản xuất.

Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện C1 đã thu hồi thửa đất trên và giao đất cho dự án Nhà máy điện mặt trời Điện lực Miền Trung. Ủy ban nhân dân huyện C1 đã có phương án bồi thường nhưng chưa chi trả tiền bồi thường cho gia đình ông vì đang chờ kết quả giải quyết của Tòa án.

Ông đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn để ông được nhận tiền bồi thường đối với giá trị đất. Còn mía do bà T canh tác nên bà T được hưởng tiền bồi thường đối với cây trồng trên đất. Hiện nay, bà T đã chết thì tiền bồi thường đối với cây trồng trên đất là di sản của bà T.

Ông Phan Phụng M, bà Phan Phụng Như N và bà Phan Phụng Thùy L trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2020:

Bà Nguyễn Thị Tư có chồng là ông Phan Phụng M và có tất cả 07 người con là: Phan Phụng Thùy Tr, Phan Phụng Kiều Mỹ D2, Phan Phụng Kiều Thu Th, Phan Phụng Phong Đại M1, Phan Phụng Như N, Phan Phụng Thùy L và Phan Phụng Phong Đại V. Các ông, bà không tranh chấp đối với thửa đất, không yêu cầu phân chia tài sản này, đề nghị Tòa án giao phần tài sản của các ông, bà cho ông Nguyễn Văn H để ông H thờ cúng cha mẹ. Mía trên đất trước đây là do bà T trồng và thu hoạch. Khi sức khỏe yếu thì bà T giao lại cho ông H làm.

Các ông, bà nghe ông Th và bà T nói thửa đất đang tranh chấp trước đây là của ông Th và bà T, khi Nhà nước xét cấp đất, do sợ Nhà nước thu hồi làm đất 5% nên ông Th và bà T để cho ông T2 đứng tên thửa đất. Hiện nay, đất đã bị giải tỏa để thực hiện dự án điện mặt trời, trên đất không còn hoa màu.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C1:

- Tại Công văn số 3919/UBND ngày 09/8/2017 về việc phúc đáp Thông báo số 68/2017/TB-TLVA ngày 24/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa (bút lục 230), Ủy ban nhân dân huyện C1 trình bày:

Nguồn gốc sử dụng đất thửa đất số 204, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.140m^2, loại đất HNK, được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Cam Ranh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T2 theo Nghị định 64/NĐ-CP:

Căn cứ vào sổ bộ chia đất theo Nghị định 64/NĐ-CP đang lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã C, ông Nguyễn Văn T2 được giao các thửa đất: thửa đất số 07, tờ bản đồ số 05; thửa đất số 266, tờ bản đồ số 08 và thửa đất số 204, tờ bản đồ số 07.

Theo sổ mục kê và sổ địa chính được Sở Địa chính Khánh Hòa xác nhận, thửa đất số 204, tờ bản đồ số 07 do ông Nguyễn Văn T2 sử dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân huyện nhận thấy ông Nguyễn Văn T2 được quyền sử dụng thửa đất số 204, tờ bản đồ số 07, diện tích 3.140m^2 và việc Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Cam Ranh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T2 đối với thửa đất này là đúng quy định pháp luật.

- Tại Công văn số 6506/UBND ngày 13/11/2019 về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ gửi Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa (bút lục 224), Ủy ban nhân dân huyện C1 trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện C1 đã giao Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện kế hoạch số 365/KH-PTQĐ ngày 21/6/2018 về việc thực hiện việc bồi

thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nhà máy Điện mặt trời Điện lực Miền Trung, tỉnh Khánh Hòa phối hợp với xã C và Ban quản lý dự án Điện nông thôn Miền Trung (chủ đầu tư dự án) tổ chức kiểm kê đất, cây trồng của các hộ dân bị ảnh hưởng dự án Nhà máy Điện mặt trời Điện lực miền Trung, tỉnh Khánh Hòa. Trong đó, hộ ông Nguyễn Văn T2 bị thu hồi thửa đất số 45 (theo bản đồ dự án) tương ứng thửa đất số 222 tờ bản đồ số 16, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH01870 cấp ngày 23/7/2012 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị P. Diện tích trong giấy chứng nhận 3.367,0 m^2, diện tích thu hồi 3.367,2 m^2. Do có đơn của ông Nguyễn Văn H đề nghị tạm ngừng chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ ngày 21/01/2019 nên Ủy ban nhân dân huyện C1 chưa phê duyệt và ban hành quyết định thu hồi đất đối với thửa đất nêu trên, đang chờ kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Tại Công văn số 119/UBND ngày 21/02/2020 về việc cung cấp thông tin và tài liệu, chứng cứ liên quan đến thửa đất 204 tờ bản đồ số 06 (bút lục 279, 280), Ủy ban nhân dân xã C cung cấp thông tin:

Về nguồn gốc và phương thức xét cấp thửa đất số 204, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa đất số 222, tờ bản đồ số 16):

Căn cứ các hồ sơ chia đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho dân khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, phương án chia đất của xã C cho hộ dân theo Nghị định 64/CP đối với thôn T1, xã C được thực hiện như sau: Hội đồng xét cấp đất của Ủy ban nhân dân xã sẽ căn cứ vào tổng số nhân khẩu và tổng diện tích đất mà các hộ đang sử dụng để thực hiện xét cấp đất (diện tích được chia đất theo nhân khẩu 1.500m^2/1 khẩu từ 15 tuổi trở lên, từ 500 m^2 đến 700 m^2/1 khẩu từ 15 tuổi trở xuống kể cả mới sinh). Những hộ có diện tích đất sản xuất ít hơn mức bình quân so với số xuất nhân khẩu thì được cấp thêm đất, còn những hộ có đất sản xuất lớn hơn mức bình quân so với số nhân khẩu thì bị thu hồi để cấp cho hộ thiếu hoặc đưa vào quỹ đất 5%.

Căn cứ vào các hồ sơ liên quan đến thửa đất số 204, tờ bản đồ số 7 bao gồm:

1. Sổ mục kê đất được Ủy ban nhân dân xã C ký ngày 06 tháng 11 năm 2002 và Sở địa chính Khánh Hòa ký ngày 30 tháng 9 năm 2003.

2. Sổ địa chính xã C được ban hành theo Quyết định số 499 QĐ/ĐC ngày 27/7/1995.

3. Sổ theo dõi danh sách các tổ chức và cá nhân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Sổ bộ kê khai diện tích đất mà hộ dân đang sử dụng để được xét cấp đất theo Nghị định 64/CP.

5. Biên bản họp hội đồng xét duyệt để trích lập quỹ đất 5% ngày 15/8/1996 của xã C.

6. Biên bản họp hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đợt. IV- xã C.

Trong tất cả các hồ sơ trên thì tại thời điểm họp xét cấp đất cho hộ dân trên địa bàn xã C, thửa đất số 204, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa đất số 222, tờ bản đồ số 16) là của hộ ông Nguyễn Văn T2 đang sử dụng, bao gồm thêm các thửa 266 tờ bản đồ số 8 và thửa số 7 tờ bản đồ số 5. Tại thời điểm thực hiện chia đất cho hộ dân theo Nghị định 64/CP, hộ ông Nguyễn Văn T2 có 6 khẩu, diện tích đất đang sử dụng 9.775m^2. Ngày 04/9/2001, Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của xã C đã họp xét và thống nhất đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 204, tờ bản đồ số 7 cho hộ ông Nguyễn Văn T2. Đến ngày 23 tháng 7 năm 2012, thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án VLap thành thửa đất số 222, tờ bản đồ số 16.

Về hộ ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị T:

Theo các hồ sơ liên quan đang lưu tại xã C, tại thời điểm thực hiện cấp đất cho hộ dân theo Nghị định 64/CP, hộ ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị T có 03 khẩu, diện tích đất hộ đang sử dụng 13.738 m^2 gồm 8 thửa đất (thửa 207, 205, 206, 202, 242 tờ bản đồ số 7 và thửa 176, 143, 129 tờ bản đồ số 6, không có thửa đất số 204 tờ bản đồ số 7). Căn cứ nội dung phương án để chia đất cho hộ dân theo Nghị định 64/CP thì hộ ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị T đang sử dụng đất vượt diện tích so với quy định. Do vậy, Hội đồng xét duyệt trích lập quỹ đất 5% của xã C đã thống nhất thu hồi 3.760m^2 mà hộ ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị T đang sử dụng để đưa vào quỹ đất 5%. (đính kèm biên bản họp xét trích lập quỹ đất 5% ngày 15/8/1996).

Về tình hình giải tỏa tại thửa đất số 204, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa đất số 222, tờ bản đồ số 16): Hiện tại, thửa đất trên đã được giải phóng mặt bằng và thi công lắp đặt tấm pin năng lượng mặt trời xong, trên đất không còn hoa màu.

Kèm Công văn trên, Ủy ban nhân dân xã C cung cấp bản sao 06 tài liệu được liệt kê trong Công văn.

Tại Công văn số 7550/CCT-KKKTTHNVDTPC ngày 05/12/2019 về cung cấp thông tin biên lai thuế sử dụng đất nông nghiệp (bút lục 285), Chi cục Thuế khu vực Nam Khánh Hòa cung cấp thông tin về việc kê khai thu thuế sử dụng đất nông nghiệp liên quan đến các biên lai thu thuế sử dụng đất nông nghiệp của ông Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn Th đối với thửa đất 204, tờ bản đồ số 7, tại thôn T1, xã C, huyện C1 như sau:

Điều 6 Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993 qui định: "*Diện tích tính thuế sử dụng đất nông nghiệp là diện tích giao cho hộ sử dụng đất phù hợp với sổ địa chính Nhà nước. Trường hợp chưa lập sổ địa chính thì diện tích tính thuế là diện tích ghi trên tờ khai của hộ sử dụng đất*".

Hiện tại, cơ quan thuế không còn lưu trữ bộ thuế sử dụng đất nông nghiệp từ năm 1992 đến năm 1996. Thời điểm lập bộ thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1997 và năm 1999 và sổ bộ được lưu trữ tại cơ quan thuế thì:

- Diện tích lập bộ thuế sử dụng đất nông nghiệp của ông Nguyễn Văn T2, thôn T1 đất canh tác là 8.750m^2 (đất cây hàng năm) .

- Diện tích lập bộ thuế sử dụng đất nông nghiệp của ông Nguyễn Th, thôn T1 đất canh tác là 9.063m^2 (đất cây hàng năm).

Do chỉ lập theo xứ đồng, không lập bộ theo số lô, số thửa cho nên cơ quan thuế không xác định được diện tích đất đã kê khai và nộp thuế theo những biên lại thu thuế sử dụng đất nông nghiệp mà Tòa án cung cấp có thuộc diện tích đã kê khai nêu trên hay không.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ Điều 1, Điều 2 Luật Đất đai năm 1993, Qui định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp (ban hành kèm theo Nghị định 64-CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ), Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất 204, tờ bản đồ số 7, nay là thửa đất số 222, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.367m^2, đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại thôn T1, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa đã được Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH01870 ngày 23/7/2012 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị P.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH01870 ngày 23/7/2012 do Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị P.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2020 ông Nguyễn Văn H người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ

thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Ông Nguyễn Văn H người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khởi kiện.

Ý kiến của ông Nguyễn Văn H: Thực tế thửa đất đang tranh chấp là do bố mẹ ông khai hoang và sử dụng liên tục cho đến khi tranh chấp. Ông T2 tự ý kê khai nên mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, sửa bản án của Toà án cấp sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ý kiến của ông Nguyễn Văn T2: Thửa đất hiện đang tranh chấp là do ông được chính quyền địa phương cân đối, họp xét cấp đất sản xuất theo Nghị định 64/CP. Về việc Mẹ ông là bà T sản xuất trồng hoa màu trên đất là do ông cho mượn đất để sản xuất. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với thửa đất hiện đang tranh chấp là do hộ ông Nguyễn Văn T2 được chính quyền địa phương cân đối cấp đất sản xuất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Ông H cho rằng thửa đất này là do bố mẹ ông khai hoang và trồng hoa màu liên tục cho đến khi tranh chấp, nhưng quá trình sử dụng không thể hiện có đăng ký, kê khai theo qui định pháp luật. Ông H kháng cáo nhưng không có cung cấp chứng cứ gì mới để xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện C1 vắng mặt có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trừ các trường hợp đã có uỷ quyền) vắng mặt tại phiên tòa đều đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 3 nên theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo qui định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn trả lại thửa đất 204, tờ bản đồ số 7, nay là thửa đất số 222, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.367m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại thôn T1, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (cấp đổi), số CH01870 ngày 23/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị P. Hiện nay thửa đất đã bị Nhà nước giải tỏa toàn bộ để thực hiện Dự án Nhà máy điện mặt trời Điện lực Miền Trung, tỉnh Khánh Hòa. Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất và cây trồng trên đất chưa được chi trả cho chủ sử dụng đất do có đơn của ông Nguyễn Văn H đề nghị tạm ngừng chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

[3] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ Toà án cấp sơ thẩm đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án, gồm: Biên bản họp hội đồng thực hiện Nghị định 64/CP của xã C năm 1996 (bút lục 276-278); Biên bản họp hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đợt IV- xã C ngày 04/9/2001 kèm danh sách các hộ được xét cấp đất (bút lục 251, 252); Sổ mục kê năm 2002 (bút lục 258, 259); Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị P đối với thửa đất 204, tờ bản đồ 7 (bút lục 228, 229); Danh sách các tổ chức và cá nhân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục 256, 257); Sổ địa chính (bút lục 254, 255); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01870 ngày 23/7/2012 do Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp cho hộ ông T2 (bút lục 71, 72): thể hiện hộ ông T2 và bà P đã đăng ký sử dụng thửa đất 204, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.140m^2 và đã được cấp Giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất; hộ ông Nguyễn Th, bà Nguyễn Thị T cũng được công nhận một số thửa đất, không bao gồm thửa đất đang tranh chấp; đồng thời, theo Sổ bộ kê khai diện tích đất các hộ dân đang sử dụng để xét cấp đất theo Nghị định 64/CP (bút lục 262, 263), hộ ông T2 có 06 nhân khẩu, đang sử dụng 03 thửa đất, tổng diện tích 9.775m^2, trong đó có thửa đất đang tranh chấp; còn hộ ông Nguyễn Th có 03 nhân khẩu, đang sử dụng 08 thửa đất (không có thửa đất đang tranh chấp), tổng diện tích 13.738m^2;

[4] Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định thửa đất đang tranh chấp được Nhà nước giao cho hộ ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị P theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc ban hành bản Quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; hộ ông T2 và bà P đã đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng qui định của pháp luật. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Văn H kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để bảo vệ yêu cầu kháng cáo của mình, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận; ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp nên được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 1, Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993; Qui định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp (ban hành kèm theo Nghị định 64-CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ); Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất 204, tờ bản đồ số 7, nay là thửa đất số 222, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.367m^2, đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại thôn T1, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa đã được Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH01870 ngày 23/7/2012 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị P.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH01870 ngày 23/7/2012 do Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị P.

4. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị,

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001345 ngày 13/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông